

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1023/2024/HC-PT

Ngày 16 - 9 - 2024

V/v: “*Khởi kiện quyết định hành chính,
thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư khi thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 423/2024/TLPT-HC ngày 07 tháng 5 năm 2024 về “*Khởi kiện quyết định hành chính, thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 145/2023/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2251/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 325/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2268/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C: Ông Hoàng Sỹ T, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ: Số A đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 - Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có đơn xin vắng mặt);

+ Ông Dương Quốc H - Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt).

3. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Địa chỉ: Số G đường T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tân B - Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Văn D - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt);

+ Ông Võ Đông G - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn C là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Hủy một phần Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 778.863,7 m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen;

- Hủy Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông C.

- Hủy Quyết định số 3530/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 249/TB-UBND ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Hủy Công văn số 1956/UBND-TNMT ngày 02/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của ông C.

- Hủy Công văn số 4831/UBND-TNMT ngày 06/10/2020 của Ủy ban nhân

dân huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của ông C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho ông Chính diện tích đất thu hồi 5.052.7 m² đất theo giá đất tại thời điểm hiện tại.

Cơ sở của yêu cầu khởi kiện:

Thứ nhất, việc thu hồi đất để xây dựng hệ thống kênh thuộc hồ chứa nước Đá Đen đây là công trình thuộc hệ thống các công trình về an sinh xã hội. Còn đối với việc thu hồi đất sử dụng vào xây dựng Khu Công nghiệp - là sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ. Hai mục đích thu hồi đất khác nhau. Không sử dụng đúng mục đích khi thu hồi đất của người dân, kế hoạch sử dụng đất khi thu hồi.

Thứ hai, Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010, UBND tỉnh B có giao cho UBND huyện C thực hiện việc trả lại đất cho những người có đất không thuộc diện quy hoạch Khu Công nghiệp -, còn đối với trường hợp thuộc quy hoạch thì giao cho C1 đầu tư Khu Công nghiệp - là Công ty Cổ phần S việc này là không công bằng giữa những người dân cùng bị thu hồi đất để sử dụng vào việc xây dựng hệ thống kênh mương hồ Đ. Trong trường hợp này, phải hoàn trả lại đất cho các hộ dân đã thu hồi đất vì đã hủy không thực hiện xây dựng hệ thống kênh mương hồ Đ, đối với diện tích đất nằm trong khu quy hoạch khu công nghiệp, ông hoàn toàn chấp nhận chủ trương của Nhà nước về việc xây dựng Khu Công nghiệp SONADEZI. Tuy nhiên, phải bồi thường theo quy định về chính sách về việc thu hồi đất cho Khu Công nghiệp -. Đây là điều người dân mong muốn và thể hiện đúng sự công bằng.

Thứ ba, đối với Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010, được UBND tỉnh B ban hành đã xác định sai đối tượng điều chỉnh khi chấm dứt thực hiện Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: Chủ đầu tư Khu Công nghiệp - là Công ty Cổ phần S không thuộc đối tượng của Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ cũng như Quyết định số 5704/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa thu hồi 5.052,7m² của gia đình ông để xây dựng hệ thống kênh thuộc hồ chứa nước Đá Đen. Nhưng lại được hưởng lợi khi UBND tỉnh không thực hiện dự án này và hủy bỏ Quyết định này.

Thứ tư: Quyết định số 3497/QĐ-UBND được UBND tỉnh B ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2010 là trái với thẩm quyền vì điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Vì căn cứ theo Điều 81 Luật Ban hành quy phạm pháp luật năm 2008 thì Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực pháp luật chỉ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành một văn bản mới thay thế.

Thứ năm: ngày 07/12/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh B-VT ban hành Quyết định số 4086/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp -, huyện C tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đối chiếu với bản đồ quy hoạch chi tiết thì ông thấy toàn bộ diện tích đất của ông nằm trong phần xây dựng Khu đô thị Đ, tiếp giáp với Quốc lộ E.

Do vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất của dân cụ thể là ông C làm công trình thủy lợi nhằm phục vụ lợi ích công cộng này Ủy ban lại giao cho doanh nghiệp thực hiện việc xây dựng khu đô thị là trái với quy định của Luật Đất đai. Làm thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân nhưng đem lại lợi ích cho doanh nghiệp.

Người bị kiện UBND huyện C trình bày:

Ngày 12/5/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 430/QĐ-TTg về việc giao đất cho Ban Q để xây dựng công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 05/7/2002, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 5606/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho 113 hộ dân cư có đất bị thu hồi để xây dựng hệ thống kênh chính thuộc công trình hồ Đ, xã N, huyện C. Trong đó, hộ ông Nguyễn Văn C (bà Phạm Thị R) có đất thu hồi là 5.052,7m² đất nông nghiệp.

Cùng ngày 05/7/2002, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 5704/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho hộ ông C để thu hồi đất giao cho Ban Q đầu tư xây dựng công trình hệ thống kênh thuộc hồ chứa nước Đá Đen. Phần kinh phí đền bù này hộ ông C đã nhận đủ và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Tuy nhiên, sau khi thu hồi và đền bù cho các hộ dân thì dự án Hệ thống kênh chính thuộc công trình hồ chứa nước Đá Đen triển khai thực hiện không hiệu quả, đồng thời Thủ tướng Chính phủ cũng có Văn bản số 919/TTg-CN ngày 11/7/2007 đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp -. Ngày 28/8/2008, Chủ tịch UBND tỉnh B có Quyết định số 2915/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp -, Quyết định số 4086/QĐ-UB ngày 07/12/2009 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp -.

Ngày 24/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C (viết tắt: *Quyết định số 3497*); xã H, xã L thuộc thành phố B do Ban Q1 (trước đây là BQLDA Thủy lợi 416) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao. Trong đó: Diện tích thu hồi tại huyện C là 384.280,4m² và UBND huyện C có trách nhiệm:

“a/- Đối với phần diện tích đất ngoài Khu Công nghiệp -:

Tổ chức tiếp nhận toàn bộ diện tích đất thu hồi thuộc huyện C để quản lý và xem xét lập thủ tục hoàn trả quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất trước khi có Quyết định thu hồi đất số: 430/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp Luật Đất đai.

Thu hồi số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi đất trước đây và nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

b/- Đối với phần diện tích đất trong Khu Công nghiệp -:

Chủ đầu tư Khu Công nghiệp - là Công ty Cổ phần S có trách nhiệm nộp hoàn lại số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi trước đây vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật”.

Như vậy, Quyết định số 3497 đã chỉ đạo: Đối với diện tích đất trước đây bị thu hồi theo Quyết định số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ nhưng hiện nay nằm ngoài quy hoạch xây dựng Khu Công nghiệp - thì thực hiện thủ tục hoàn trả lại quyền sử dụng đất cho hộ dân; đối với trường hợp hiện nay nằm trong quy hoạch xây dựng Khu Công nghiệp - thì không thực hiện thủ tục hoàn trả lại quyền sử dụng đất.

Qua rà soát số liệu thu hồi đất của tuyến kênh chính thuộc công trình hồ chứa nước Đá Đen và bản đồ thu hồi đất công trình khu công nghiệp thì phần diện tích đất thu hồi của ông C (bà R) là 5.052,7m² gồm 36 thửa đất từ bản đồ thu hồi số 3K được Sở T xác nhận ngày 06/3/2000), được xác định tương ứng với các thửa đất số 266, 281, 282, 283, 284, 306, 307, 309, 327, 328, 348, 349, 363, 364, 365, 384, 400, 401, 402, 416, 436, 437, 477, 478, 494, 528, 556, 541, 580, 594 từ bản đồ địa chính số 43 xã N. Trong tổng diện tích đất thu hồi 5.052,7m² được xác định: Phần diện tích đất nằm trong phạm vi đất thu hồi công trình khu công nghiệp là 4.850,7m²; phần diện tích đất nằm ngoài phạm vi đất thu hồi là 202,0m² (thửa đất số 220, 220A, 221 từ bản đồ thu hồi số 3K).

Thực hiện Quyết định số 3497, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 hoàn trả quyền sử dụng 202,0m² cho hộ ông C. Do vậy, việc ông Chính đề nghị hoàn trả lại 4.850,7m² đất cho gia đình ông do không thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục tuyến kênh chính thuộc công trình hồ chứa nước Đá Đen là không có cơ sở để xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày: UBND tỉnh B thống nhất quan điểm với UBND huyện C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 145/2023/HC-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với các nội dung sau:

- Yêu cầu hủy một phần tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh B về việc thu hồi 778.863,7 m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã L, xã H thuộc thành phố B do Ban Q1 không còn nhu cầu sử dụng đất được giao.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn C.

- Yêu cầu hủy Công văn số 4831/UBND-VP ngày 06/10/2020 của UBND huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn C.

- Yêu cầu Hủy Quyết định số 3530/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 249/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho ông Chính diện tích đất thu hồi 4.850,7 m² đất theo giá đất tại thời điểm hiện tại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/9/2023 ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Hoàng Sỹ T3 là người đại diện cho ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Hoàng Sỹ T3 đại diện cho ông Nguyễn Văn C trình bày: Tại Bản án sơ thẩm, UBND cho rằng đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban. Ủy ban có quyền giao cho doanh nghiệp, trái quy định của Luật Đất đai. Đất phải đấu giá, đưa cho Công ty S là trái Quyết định 430.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh B có ông Dương Quốc H trình bày: Thủ tướng Chính phủ giao kênh mương Đá Đen. Giải phóng mặt bằng xong. Do đơn vị không còn nhu cầu sử dụng đất nữa nên chủ đầu tư có đơn trả lại đất cho Nhà nước. UBND tỉnh B ban hành Quyết định 3497 giao cho địa phương quản lý. Đất nằm khu quy hoạch tiếp tục bồi thường, ngoài khu quy hoạch trả lại cho dân.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

Hộ ông C bị thu hồi 5.052,7m² đất nông nghiệp. Theo Quyết định số 430/QĐ-TTg về việc giao đất cho Ban Q để xây dựng công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông C nhận đủ tiền, bàn giao mặt bằng. Sau khi thu hồi đất và đền bù cho các hộ dân thì Dự án hệ thống kênh chính thuộc công trình hồ chứa nước Đá Đen triển khai thực hiện không hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 919/TTg-CN ngày 11/7/2007 đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp -. Hộ ông C được trả lại 202,0m² phần diện tích đất nằm ngoài phạm vi đất thu hồi công trình khu công nghiệp, phần diện tích đất nằm trong phạm vi đất thu hồi công trình Khu Công nghiệp - là 4.850,7m² đã được bồi thường. Ông C yêu cầu trả lại 4.850,7m² không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/3/2023, ông Nguyễn Văn C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hủy một phần Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh về việc thu hồi 778.863,7 m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen (*viết tắt: Quyết định 3497*); hủy Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông C (*viết tắt: Quyết định 1952*); hủy Quyết định số 3530/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và hủy Thông báo số 249/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B (*viết tắt: Quyết định 3530*); hủy Công văn số 1956/UBND-TNMT ngày 02/7/2018 của UBND huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của ông C (*viết tắt: Công văn số 1956*) và hủy Công văn số 4831/UBND-TNMT ngày 06/10/2020 của UBND huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của ông C (*viết tắt: Công văn số 4831*).

Theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, Quyết định hành chính 1952 bị kiện còn trong thời hiệu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm có quyền xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính liên quan không phụ thuộc vào các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định: được ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Ngày 12/5/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 430/QĐ-TTg về việc giao đất cho Ban Q để xây dựng công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 05/7/2002, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 5606 về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho 113 hộ dân cư có đất bị thu hồi để xây dựng hệ thống kênh chính thuộc công trình hồ Đ, xã N, huyện C. Trong đó, hộ ông Nguyễn Văn C (bà Phạm Thị R) có đất thu hồi là 5.052,7m² đất nông nghiệp. Cùng ngày, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 5704/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho hộ ông C để thu hồi đất giao cho Ban Q đầu tư xây dựng công trình hệ thống kênh thuộc hồ chứa nước Đá Đen, với tổng số tiền đền bù là 20.109.746 đồng. Trong đó: Bồi thường thiệt hại do thu hồi đất là 17.078.126 đồng (diện tích 5.052,7m² đất nông nghiệp), bồi thường thiệt hại hoa màu cây trái là 3.031.620 đồng. Phần kinh phí đền bù này hộ ông C đã nhận đủ và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Tuy nhiên, sau khi thu hồi đất và đền bù cho các hộ dân thì dự án hệ thống kênh chính thuộc công trình hồ chứa nước Đá Đen triển khai thực hiện không hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 919/TTg-CN ngày 11/7/2007 đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp -.

Ngày 28/8/2008, Chủ tịch UBND tỉnh B có Quyết định số 2915/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp -, Quyết định số 4086/QĐ-UB ngày 07/12/2009 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp -.

Ngày 24/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3497 về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã H, xã L thuộc thành phố B do Ban Q1 (trước đây là Ban Q) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao. Trong đó: Diện tích thu hồi tại huyện C là 384.280,4m² và UBND huyện C có trách nhiệm:

“a/- Đối với phần diện tích đất ngoài Khu Công nghiệp -:

Tổ chức tiếp nhận toàn bộ diện tích đất thu hồi thuộc huyện C để quản lý và xem xét lập thủ tục hoàn trả quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất trước khi có Quyết định thu hồi đất số: 430/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật đất đai.

Thu hồi số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi đất trước đây và nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

b/- Đối với phần diện tích đất trong Khu Công nghiệp -:

Chủ đầu tư Khu Công nghiệp - là Công ty Cổ phần S có trách nhiệm nộp hoàn lại số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi trước đây vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật”.

Như vậy, Quyết định số 3497 của UBND tỉnh B đã chỉ đạo: Đối với diện tích đất trước đây bị thu hồi theo Quyết định số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ để đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen nhưng hiện nay nằm ngoài quy hoạch xây dựng Khu Công nghiệp - thì thực hiện thủ tục hoàn trả lại quyền sử dụng đất cho hộ dân; đối với trường hợp hiện nay nằm trong quy hoạch xây dựng Khu Công nghiệp - thì không thực hiện thủ tục hoàn trả lại quyền sử dụng đất cho hộ dân.

Qua rà soát số liệu thu hồi đất của tuyến kênh chính thuộc công trình hồ chứa nước Đá Đen và bản đồ thu hồi đất công trình Khu Công nghiệp - thì phần diện tích đất thu hồi của ông C (bà R) là 5.052,7m² gồm 36 thửa đất (155, 155A, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 204A, 205, 206, 206A, 207, 207A, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 216A, 217, 217A, 218, 219, 220, 220A, 221, 633) từ bản đồ thu hồi số 3K được Sở T xác nhận ngày 06/3/2000), được xác định tương ứng với các thửa đất số 266, 281, 282, 283, 284, 306, 307, 309, 327, 328, 348, 349, 363, 364, 365, 384, 400, 401, 402, 416, 436, 437, 477, 478, 494, 528, 556, 541, 580, 594 từ bản đồ địa chính số 43 xã N. Trong tổng diện

tích đất thu hồi 5.052,7m² được xác định: Phần diện tích đất nằm trong phạm vi đất thu hồi công trình Khu Công nghiệp - là 4.850,7m². Phần diện tích đất nằm ngoài phạm vi đất thu hồi công trình Khu công nghiệp là 202,0m² (thửa đất số 220, 220A, 221 tờ bản đồ thu hồi số 3K).

Thực hiện Quyết định số 3497 của Chủ tịch UBND tỉnh B, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 hoàn trả quyền sử dụng 202,0m² cho hộ ông C. Ông Chính đề n hoàn trả lại 4.850,7m² đất cho gia đình ông do không thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục tuyến kênh chính thuộc công trình hồ chứa nước Đá Đen là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Việc thu hồi, bồi thường đất của UBND tỉnh B là đúng trình tự, quy định pháp luật.

[2.2.2] Ông C cho rằng nếu thực hiện dự án khu công nghiệp thì UBND tỉnh B phải bồi thường theo giá đất cụ thể tương ứng với dự án thu hồi đất làm khu công nghiệp. Tuy nhiên, thời điểm thu hồi đất và triển khai các dự án đó thì Luật Đất đai năm 1993 đang có hiệu lực và các văn bản về bồi thường đất lúc đó chỉ áp dụng bồi thường theo 1 khung giá do UBND tỉnh quyết định cho toàn bộ các dự án trên toàn tỉnh. Phần diện tích 4.850,7 m² của ông C nằm trong phạm vi thu hồi công trình Khu Công nghiệp - nên căn cứ quyết định nêu trên UBND huyện C không lập thủ tục hoàn trả quyền sử dụng đất là đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh B. Việc UBND tỉnh B buộc Công ty Cổ phần S nộp hoàn trả số tiền đã bồi thường cho những người dân bị thu hồi đất vào ngân sách là quyết định của UBND tỉnh B, không có quy định bồi thường thêm cho những người dân bị thu hồi đất nên không tác động đến những người dân có đất đã bị thu hồi thuộc dự án khu công nghiệp. Ông C khiếu nại Quyết định số 3497 của UBND tỉnh nhưng quyết định này lại không tác động trực tiếp đến hộ ông C. Căn cứ khoản 2 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011 thì khiếu nại của ông C thuộc trường hợp không được thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Xác định có sự sai sót, ngày 01/11/2021 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3530/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 và Văn bản số 249 ngày 14/4/2021 và Chủ tịch UBND huyện C đã thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn C bằng Quyết định 4124/QĐ-UBND ngày 14/10/2021.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn C là hoàn toàn đúng quy định.

[3] Từ phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông C kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông C được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37, Điều 38, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 145/2023/HC-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cụ thể như sau:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với các nội dung sau:

- Yêu cầu hủy một phần tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh B về việc thu hồi 778.863,7 m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã L, xã H thuộc thành phố B do Ban Q1 không còn nhu cầu sử dụng đất được giao.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn C.

- Yêu cầu hủy Công văn số 4831/UBND-VP ngày 06/10/2020 của UBND huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn C.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3530/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 249/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho ông Chính diện tích đất thu hồi 4.850,7 m² đất theo giá đất tại thời điểm hiện tại.

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm, do là người cao tuổi.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Đường sự;
- Lưu (20) (Án - NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương